

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/09/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MIRM+CLO+P8	7:25	16+6	0+0		16+6	0+0	
2		BK8+BK10+TD1	7:25	3+0+15	0+0+0		0+0+20	0+0+0	chuyen 4 bk8-bk10
3		RP2+P9+P2	9:25	15+5+2	0+0+0		17+1+4	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/09/2022	TO: MRM - CLO - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: MTHAO - VThắng - DTùng	ETA: 09:15
VANG-1			

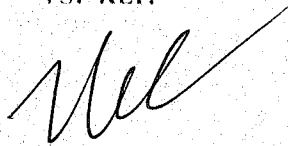
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO VAN TRUC	MRM	93	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
2	LE VAN BIEN	MRM	96-97	2	18	20	65	KHOAN	Vietnamese
3	LE DAC TRIEM	MRM	94-95	2	18		73	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN QUANG HIEN	CLO	63-64	2	10		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH HUNG	CLO	55	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	DINH VAN THONG	CLO	66	1	5	60	70	KHOAN	Vietnamese
7	MAI NGOC QUYEN	CLO	58	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	DO TRUONG GIANG	CLO	51	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
9	BUI TRUONG SINH	CLO	56	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
10	VU MANH HUNG	CLO	52	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
11	DINH NGOC GIANG	CLO	53-54	2	6		82	KHOAN	Vietnamese
12	BUI XUAN DUY	CLO	49-50	2	10		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG TIEN	CLO	57	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
14	DINH XUAN PHU	CLO	65	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC HOAN	CLO	67	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN HUYNH LAM	CLO	62	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
17	KIEU TUAN ANH	CLO	60	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN HUNG	CLO	59	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
19	LE MINH HOAN	CLO	61	1	9		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

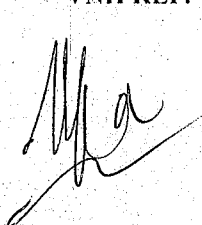
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	3	5	44	208	20	3		
2	CLO	16	19	117	1.153	60	16		
3	P8	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	24	161	1.361	80	21		
WEIGHT KG				161	1.361	80			

GRAND TOAL: 1.602 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: BK8 - BK10 - TD1	CREW: TTrung - NPhú - HIẾU - Tú	ETA: 09:10
XANH-I			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TRỌNG BÀI	BK8	44	1	15		69	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHĨ	BK8	43	1	16	30	69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC TRI	BK8	42	1	10	100	72	KH-THAC	Vietnamese
4	SUSTAVOV V.S	TD1	89	1	10		116	D-HANH	Russian
5	ĐỖ MINH DŨNG	TD1	88	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN QUY	TD1	900	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH HUY TOÀN	TD1	99	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG THỰC	TD1	15	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
9	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	90	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
10	HOÀNG NGỌC SƠN	TD1	87	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	01	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
12	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	96-97	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ VĂN HẠ	TD1	700	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ DINH PHONG	TD1	95	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
15	DƯƠNG MINH ĐỨC	TD1	86	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG MINH SƠN	TD1	98	1	13	23	75	ANTOAN	Vietnamese
17	VƯƠNG VĂN THÔNG	TD1	97	1	6	30	70	YTE	Vietnamese
18	VO DUC GIAP	TD1	83,85	2	10		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	3	3	41	210	130	079		CHUYEN 4 PAX BK8 SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	0	0		
3	TD1	15	17	102	1.024	53	20		
TOTAL		18	20	143	1.234	183	20		
WEIGHT KG				143	1.234	183			

GRAND TOAL: 1.560 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 03	TO: RP2 - P9 - P2	CREW: MTHAO - VThắng - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VAN LY	RP2	60-61	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ ĐỨC LONG	RP2	85	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HAI SANG	RP2	62	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN CHI HA	RP2	63	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG QUE	RP2	67	1	8	20	70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN BA DIỆN	RP2	59	1	15	16	77	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG VAN NGOC	RP2	19	1	13	16	66	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG KHANH	RP2	72	1	7	18	65	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VAN THANH	RP2	65-66	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
10	CAO VAN MANH	RP2	17	1	5	16	65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN ANH	RP2	69-70	2	13		60	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ VĂN TÂN	RP2	76-77	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG NGHIA	RP2	71	1	13		81	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI HUU LOI	RP2	78-79	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
15	LE BA QUYEN	RP2	64	1	8		53	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN THANH CAN	P9	30	1	8	8	69	NIPI	Vietnamese
17	NGUYEN HUU VAN	P9	28-29	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG HIEN	P9	31	1	9		52	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN DIEP	P9	33	1	3		78	XAYLAP	Vietnamese
20	DO XUAN LONG	P9	32	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN VAN UT	P2	25	1	6		63	NAMTIEN	Vietnamese
22	NGUYEN VAN THANH	P2	24,26	2	20		59	NAMTIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	15	20	170	1.007	86	17		
2	P9	5	6	43	335	8	1		
3	P2	2	3	26	122	0	4		
TOTAL		22	29	239	1.464	94	22		
WEIGHT KG				239	1.464	94			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

[Signature]

[Signature]

Đội bay pg trước pg - p2 RP2